TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2019/HN-ST Ngày 23 tháng 4 năm 2019 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Vũ Thị Hải Vân;

+ Ông Lê Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Văn Thị O; sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn V, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1971.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn*: Bà Trịnh Thị Nh, sinh năm 1945. Là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Tr.

Địa chỉ: Thôn S, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Ngô Thị L. Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị Văn Thị O, bà Trịnh Thị Nh, bà Ngô Thị L đều có mặt. Anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt nhưng bà Trịnh Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt anh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị Văn Thị O trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Tr đã đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/1992 tại UBND xã Y, thị xã T, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì anh Tr mắc bệnh tâm thần nên vợ chồng không thể sống chung từ năm 2003 đến nay. Anh Tr hay đánh đập chị, gây nguy hiểm tính mạng cho chị. Nay chị không còn tình cảm với anh Tr nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr. Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Tr có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Nguyễn Thị N, sinh ngày 24/8/1994; cháu thứ hai tên là Nguyễn Văn Tr1 sinh ngày 22/01/1996. Hiện nay cháu N, cháu Tr1 đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Văn Thị O không đề nghị giám định pháp y tâm thần đối với anh Nguyễn Văn Tr, chị không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn Tr mất năng lực hành vi dân sự.

Tại bản khai; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Trịnh Thị Nh (là mẹ đẻ của anh Tr, do anh Tr bị bệnh tâm thần nên bà Nh là người đại diện theo pháp luật của anh Tr) trình bày:

Về quá trình đăng ký hết hôn giữa chị O và anh Tr như chị O trình bày là đúng. Sau một thời gian chị O và anh Tr chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr mắc bệnh tâm thần. Nay chị Văn Thị O làm đơn đề nghị ly hôn anh Nguyễn Văn Tr, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nuôi con chung: Chị Văn Thị O và anh Nguyễn Văn Tr có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Nguyễn Thị N, sinh ngày 24/8/1994; cháu thứ hai tên là Nguyễn Văn Tr1, sinh ngày 22/01/1996. Hiện nay cháu N, cháu Tr1 đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung của chị Văn Thị O và anh Nguyễn Văn Tr: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà không đề nghị Tòa án giám định pháp y tâm thần đối với anh Nguyễn Văn Tr, không đề nghị Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn Tr mất năng lực hành vi dân sự.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (bà Ngô Thị L) trình bày: Bà nhất trí với ý kiến trình bày của bà Trịnh Thị Nh.

Tại phiên tòa, chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Tr.

Tại phiên tòa, bà Nh, bà L đều trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đúng pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết

nội dung vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho ly hôn giữa chị Văn Thị O và anh Nguyễn Văn Tr. Chị Văn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/3/2019, Trạm y tế xã Y, thành phố T cung cấp như sau: Bệnh nhân Nguyễn Văn Tr bị bệnh tâm thần phân liệt mức độ I. Từ tháng 6 năm 1997 đến nay, anh Tr điều trị ngoại trú. Hàng tháng Trạm y tế xã Y nhận thuốc từ Bệnh viện tâm thần tỉnh N để cấp phát cho anh Tr. Định kỳ Bệnh viện tâm thần tỉnh N về kiểm tra giám sát việc cấp phát thuốc và tình trạng bệnh của anh Tr.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/4/2019, Bệnh viện tâm thần tỉnh N cung cấp như sau: Bệnh nhân Nguyễn Văn Tr bị bệnh tâm thần phân liệt, hiện đang được cấp thuốc điều trị ngoại trú tại Trạm y tế xã Y, thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Văn Thị O xin ly hôn anh Nguyễn Văn Tr. Anh Nguyễn Văn Tr có địa chỉ tại xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn Tr bị bệnh tâm thần vắng mặt, tuy nhiên bà Trịnh Thị Nh là người đại diện theo pháp luật của anh Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt anh Tr, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án.

Về hôn nhân:

Chị Văn Thị O và anh Nguyễn Văn Tr đã đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/1992 tại UBND xã Y, thị xã T(nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình do tự nguyện, anh Tr chưa mắc bệnh tâm thần, không vi phạm điều cấm của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị O trình bày là do anh Tr hay đánh đập chị, ngoài ra còn có sự mâu thuẫn giữa mẹ chồng và chị.

Đến tháng 01/1997 anh Tr phát bệnh tâm thần, chị đã đưa anh Tr đến bệnh viện để điều trị, trong thời gian bị bệnh, anh Tr vẫn thường xuyên đánh đập chị. Sau đó anh Tr có thời điểm ở cùng chị, có thời điểm anh Tr ở nhà mẹ đẻ. Từ năm 2003 đến nay vợ chồng sống ly thân vì anh Tr ở hẳn nhà mẹ đẻ. Anh Tr mắc bệnh tâm thần và hiện đang hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng. Hiện nay chị xác định không còn tình cảm với anh Tr. Bản thân chị O xác định không còn gắn bó tình cảm với anh Tr, vì vậy vào ngày 23/01/2019 (trước thời điểm chị O làm đơn xin ly hôn anh Tr) giữa mẹ con chị O và bà Nh đã thống nhất ký Biên bản phân chia tài sản của chị O và anh Tr trong thời kỳ hôn nhân.

Xét thấy: Với những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đủ căn cứ để xác định, quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh Tr là do vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt. Như vậy, mâu thuẫn của anh Tr, chị O lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Văn Thị O là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị O về hôn nhân, cho chị O được ly hôn anh Tr là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung:

Chị Văn Thị O và anh Nguyễn Văn Tr có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Nguyễn Thị N, sinh ngày 24/8/1994; cháu thứ hai tên là Nguyễn Văn Tr1, sinh ngày 22/01/1996. Hiện nay cháu N, cháu Tr1 đã trưởng thành nên nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án không xem xét.

Về chia tài sản: Chị O, bà Nh không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[5] Các đương sự, người đại diện theo pháp luật của bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Cho chị Văn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về nuôi con chung, về chia tài sản: Chị Văn Thị O và bà Trịnh Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Văn Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001351 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; chị Văn Thị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/4/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Đương sự, bà Nh, bà L;
- Chi cục THADS TP Tam Điệp;
- UBND xã Y, TP.T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng